

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ MUA SẮM, SỬA CHỮA, BẢO DƯỠNG TRANG THIẾT BỊ

Khoa	Hạng mục	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1. KINH PHÍ MUA SẮM							
Khoa Trắc địa, bản đồ và QLĐĐ		89.588.000	179.950.000	71.386.000	118.402.480	554.700.000	200.150.200
	Máy tính		36.000.000	10.186.000	50.900.000	74.580.000	25.300.000
	Máy in		24.000.000			28.560.000	5.750.000
	Trang thiết bị học tập, thí nghiệm khác		49.950.000	11.200.000	17.502.480	401.560.000	119.100.200
	VT, HCPTN	89.588.000	70.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000	50.000.000
Khoa Cơ điện		844.285.000	457.351.000	515.818.000	516.191.524	467.937.000	1.549.077.980
	Máy tính	115.136.000		77.458.000			158.000.000
	Máy in				88.803.000	15.360.000	
	Máy chiếu		12.950.000	50.000.000	37.771.972	13.500.000	
	Trang thiết bị học tập, thí nghiệm	529.611.000	234.401.000	193.360.000	129.616.552	159.077.000	1.121.077.980
	VT, HCPTN	199.538.000	210.000.000	195.000.000	260.000.000	280.000.000	270.000.000
Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất		201.454.100	178.496.500	161.528.000	214.924.800	211.148.000	420.041.000
	Máy tính			30.558.000	38.700.000	37.290.000	25.300.000
	Máy in			4.950.000	5.550.000		2.600.000
	Máy chiếu				14.390.000	13.500.000	
	Trang thiết bị học tập, thí nghiệm	71.497.800	48.496.500	31.020.000	31.284.800	35.358.000	297.141.000
	VT, HCPTN	129.956.300	130.000.000	95.000.000	125.000.000	125.000.000	95.000.000
Khoa Mỏ		319.748.840	108.550.000	104.426.000	101.500.000	141.898.000	430.858.000
	Máy tính	16.100.000		10.186.000	26.500.000	38.360.000	25.300.000
	Máy in		12.200.000			7.680.000	8.350.000
	Máy chiếu	16.500.000					
	Trang thiết bị học tập, thí nghiệm	227.148.840	36.350.000	54.240.000		20.858.000	342.208.000
	VT, HCPTN	60.000.000	60.000.000	40.000.000	75.000.000	75.000.000	55.000.000
Khoa Kinh tế QTKD		266.500.000	32.372.000	-	38.700.000	80.490.000	48.150.000
	Máy tính	266.500.000	32.372.000		38.700.000	50.790.000	12.650.000
	Máy in						8.350.000
	Trang thiết bị học tập, thí nghiệm khác					29.700.000	27.150.000
Khoa Dầu khí và Năng lượng		339.009.000	25.066.478.446	200.753.833	147.809.840	287.396.000	631.876.000

Khoa	Hạng mục	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
	Máy tính	60.000.000	42.780.079		50.900.000	130.790.000	386.980.000
	Máy in		6.000.000				10.950.000
	Máy chiếu						17.380.000
	Trang tb thí nghiệm	107.248.000	24.927.698.367	140.753.833	6.909.840	71.606.000	106.566.000
	VT, HCPTN	171.761.000	90.000.000	60.000.000	90.000.000	85.000.000	110.000.000
Khoa CNTT		545.500.000	123.340.000	70.186.000	203.300.480	167.330.000	1.162.309.500
	Máy tính	420.000.000	24.000.000	10.186.000	50.900.000	34.650.000	917.213.500
	Máy in	12.200.000	12.200.000			7.680.000	5.200.000
	Trang thiết bị học tập, thí nghiệm	63.300.000	37.140.000		57.400.480	30.000.000	144.896.000
	Dụng cụ thí nghiệm	50.000.000	50.000.000	60.000.000	95.000.000	95.000.000	95.000.000
Khoa Xây dựng		113.015.000	49.916.000	121.240.000	177.901.400	56.600.000	284.185.000
	Máy tính	24.000.000	10.186.000	26.500.000	122.015.000		12.650.000
	Máy in	12.000.000				11.600.000	5.750.000
	Trang thiết bị học tập, thí nghiệm	42.200.000	4.750.000	64.740.000	10.886.400		220.785.000
	VT, HCPTN	34.815.000	34.980.000	30.000.000	45.000.000	45.000.000	45.000.000
Trun tâm PT, TN CNC		-	-	316.752.000	12.200.000	12.430.000	10.952.000
	Máy tính			10.186.000	12.200.000	12.430.000	
	Trang thiết bị học tập, thí nghiệm khác		-	306.566.000			10.952.000
2. KINH PHÍ SỬA CHỮA/BẢO DƯỠNG							
Khoa Trắc địa, bản đồ và QLDD				30.030.000			
Khoa Mô							
Khoa Khoa học cơ bản			4.800.000		30.780.000		
Khoa Dầu khí		21.050.000	27.077.360		13.599.360		3.850.000
Khoa CNTT		17.290.000	34.500.000				
Khoa Xây dựng							
Khoa Cơ điện							14.948.000
Khoa Khoa học và Kỹ thuật địa chất							
TTPPTNCNC				13.480.000	671.968.000		
3. DỰ ÁN, TIÊU DỰ ÁN							
Khoa Dầu khí và Năng lượng							

Khoa	Hạng mục	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
	Tăng cường nâng cao năng lực phân tích và đánh giá chất lượng LNG của Trường Đại học Mở - Địa chất năm 2019		24.294.000.000				
	Tiểu dự án xây dựng, sửa chữa Khu thực tập và thí nghiệm Khoan – khai thác					495.000.000	
	Tiểu dự án tăng cường năng lực trang thiết bị phòng Xử lý số liệu dầu khí nhằm phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học cho giảng viên và sinh viên khoa Dầu khí					466.000.000	
	<i>Khoa TĐ -Bản đồ và Quản lý đất đai</i>						
	Tiểu dự án tăng cường năng lực trang thiết bị thí nghiệm phục vụ công tác nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực ngành Trắc địa - Bản đồ và Quản Lý Đất Đai.					402.600.000	
	Lắp đặt hệ thống mốc chuẩn Trắc địa						585.208.000
	<i>Khoa Cơ-Điện</i>						
	Tiểu dự án tăng cường trang thiết bị Đo lường cơ khí					348.000.000	

Khoa	Hạng mục	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
	Nâng cao năng lực thực hành gia công CNC cho sinh viên lĩnh vực Cơ khí Trường Đại học Mở - Địa chất					498.000.000	
	Nâng cao năng lực, chất lượng đào tạo thí nghiệm, thực hành và NCKH ngành KTĐK - Tự động hóa, ngành KT Robot và Trí tuệ nhân tạo					400.000.000	
	Khoa Mở						
	Tiểu dự án duy tu, nâng cấp phòng thí nghiệm Công nghệ -Áp lực và An toàn mỏ hầm lò					300.000.000	
	Khoa KH và Kỹ thuật Địa chất						
	Bổ sung thiết bị chế tác và giám định đá quý, đá mỹ nghệ					220.000.000	
	Khoa CNTT						
	Trang thiết bị phòng thực hành máy tính					500.000.000	
	Thay thế máy tính phòng thí nghiệm Địa tin học						500.000.000
	Khoa Xây dựng						
	Phòng thí nghiệm Hạ tầng giao thông						485.380.000